

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 92/2023/DS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim.

2. Ông Lê Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 179/2023/TLST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 102/2023/QĐ-TĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số E, đường X, thôn Y, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Số F, đường X, thôn Y1, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Số E, đường X, thôn Y, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Trần Xuân D, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số F, đường X, thôn Y1, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn S; vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà có cho bà Nguyễn Thị Thùy T1 vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 22/4/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 01/10/2022, vay số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 15/10/2022, vay số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay là 170.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận miệng khi vay là 3%/tháng. Khi vay, bà T1 nói là vay tiền để làm ăn trong gia đình bà. Từ ngày vay tới nay, bà T1 chỉ cho bà được 4.000.000 đồng tiền lãi, tiền nợ vay thì vợ chồng bà T1 chưa trả. Bà yêu cầu Tòa án buộc bà T1 và chồng là ông Trần Xuân D phải trả cho vợ chồng bà tiền nợ vay 170.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng, kể từ ngày vay tới nay sau khi đã căn trừ số tiền lãi 4.000.000 đồng đã trả.

Tại phiên tòa, bà trình bày khi vay tiền thì bà T1 (bị đơn) nói vay tiền để mua xe tải cho chồng làm ăn nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà Trang sử dụng số tiền vay vào mục đích chung của gia đình.

* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn S trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với ý kiến của vợ ông bà Trần Thị T.

* Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2023 tại công an xã V thể hiện: Bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 16/3/1994 và ông Trần Xuân D, sinh ngày 30/5/1988 là vợ chồng, có đăng ký thường trú tại tổ Y2, thôn Y1, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân D không tham gia nên không hòa giải được.

* Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn S đã chấp hành đúng pháp luật. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Xuân D không chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T1 và ông Trần Xuân D phải trả cho bà Trần Thị T và ông Đỗ Văn S số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến nay theo mức lãi suất 1,66%/tháng sau khi trừ 4.000.000 đồng tiền lãi đã trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của các đương sự là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân D.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp; phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân D cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ cơ sở để kết luận: Bà Trần Thị T có cho bà Nguyễn Thị Thùy T1 vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 22/4/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 01/10/2022, vay số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 15/10/2022, vay số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay là 170.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận miệng khi vay là 3%/tháng. Từ ngày vay tới nay, bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn được 4.000.000 đồng tiền lãi, tiền nợ vay thì chưa trả.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn

cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

[2.2.1] Về tiền nợ vay: Số tiền nợ vay là 170.000.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ vay 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2.2] Về tiền lãi: Căn cứ vào các giấy vay tiền xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiền lãi trên nợ gốc được xác định như sau:

- Khoảng vay 30.000.000 đồng: Từ ngày 22/4/2022 đến ngày 28/9/2023 là 17 tháng 06 ngày x 30.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 8.566.000 đồng.

- Khoảng vay 100.000.000 đồng: Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 28/9/2023 là 11 tháng 27 ngày x 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 19.754.000 đồng.

- Khoảng vay 40.000.000 đồng: Từ ngày 15/10/2022 đến ngày 28/9/2023 là 11 tháng 13 ngày x 40.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 7.592.000 đồng.

Tổng số tiền lãi phát sinh là 35.912.000 đồng. Số tiền lãi còn phải trả sau khi trừ tiền lãi 4.000.000 đồng đã trả là 31.912.000 đồng.

[2.2.3] Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải trả cho bà Trần Thị T và ông Đỗ Văn S là 201.912.000 đồng (Trong đó, tiền nợ vay là 170.000.000 đồng và tiền lãi là 31.912.000 đồng).

[3] Về nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân D: Khi vay tiền, không có sự tham gia của ông Trần Xuân D; nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn sử dụng số tiền vay vào nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ, chồng phải có nghĩa vụ liên đới trong trường hợp vợ hoặc chồng thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*”.

Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*,”. Xét thấy, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bị đơn sử dụng số tiền vay vào nhu cầu thiết yếu của gia đình nên yêu cầu của nguyên đơn buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân D phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là chưa phù hợp với một số tình tiết của vụ án như đã phân tích ở trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Khoản 20 Điều 3, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Xuân Dũng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải trả cho bà Trần Thị T và ông Đỗ Văn S số tiền 201.912.000 đồng (Hai trăm lẻ một triệu chín trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ vay là 170.000.000 đồng và tiền lãi là 31.912.000 đồng.

Kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí DSST:

Bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải chịu 10.096.000 đồng (Mười triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí DSST, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả 5.097.000 đồng (Năm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017444 ngày 21/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ *Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa